

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Quảng Ninh, tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Triều Thanh	Chủ tịch	
Ông Bùi Quang Đạo	Phó chủ tịch	
Bà Đặng Thị Hồng Phương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Ủy viên	
Ông Trần Mạnh Hà	Ủy viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 06/05/2014
Ông Nguyễn Quốc Cường	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 06/05/2014

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kiều Oanh	Thành viên
Bà Đồng Thị Bé (*)	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Toàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Nam Trung	Phó Tổng Giám đốc

(*) Công văn số 43/2014/CV-CPI ngày 04 tháng 06 năm 2014 công bố thông tin về việc bà Đồng Thị Bé bị bắt tạm giam theo Lệnh bắt tạm giam số 23 do có hành vi giả mạo chứng từ thanh toán tiền lương cho công nhân tạo chênh lệch để chiếm đoạt của Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh. Theo đó, Công ty sẽ tiến hành bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại điều lệ của Công ty tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Tư Thịnh.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHYACA.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Văn Toàn

Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Số: *140* /2015/UHYACA - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 .

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập ngày 20 tháng 03 năm 2015, trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc trong Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Cảng Công ten nơ Quốc tế Cái Lân (sau đây gọi tắt là "Công ty con") Công ty đã phát sinh khoản lỗ sau thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 với số tiền là 269.553.949.694 đồng và lỗ lũy kế của Công ty con tại ngày 31/12/2014 là 634.929.552.558 đồng. Bên cạnh đó, tại ngày 31/12/2014 nợ ngắn hạn với số tiền là 455.444.520.006 đồng của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn với số tiền 312.486.042.202 đồng và tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa thanh toán khoản gốc và lãi vay quá hạn với tổng số tiền là 142.758.358.420 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty con. Ý kiến của Chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 0666- 2014- 112- 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHYACA

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Mai Việt Hùng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 2334- 2014- 112- 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		158.149.991.879	397.644.881.498
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	124.663.070.504	316.669.095.022
Tiền	111		23.608.461.067	253.357.663.112
Các khoản tương đương tiền	112		101.054.609.437	63.311.431.910
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.925.094.518	30.305.398.924
Phải thu khách hàng	131		22.339.469.283	21.666.307.954
Trả trước cho người bán	132		856.792.523	8.184.628.257
Các khoản phải thu khác	135		1.801.654.659	454.462.713
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(72.821.947)	-
Hàng tồn kho	140		4.309.386.146	4.340.011.973
Hàng tồn kho	141	5	4.309.386.146	4.340.011.973
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.252.440.711	46.330.375.579
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.253.976.633	4.962.726.035
Thuế GTGT được khấu trừ	152		493.839.469	27.653.723.944
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.695.725	13.070.373.735
Tài sản ngắn hạn khác	158	6	499.928.884	643.551.865
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.464.077.853.121	2.595.591.999.706
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		2.456.698.581.937	2.584.568.036.041
Tài sản cố định hữu hình	221	7	2.270.787.467.486	2.371.335.668.778
- Nguyên giá	222		2.559.577.729.036	2.534.398.249.946
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(288.790.261.550)	(163.062.581.168)
Tài sản cố định vô hình	227	8	172.343.946.812	169.638.894.713
- Nguyên giá	228		198.202.911.114	189.064.161.974
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.858.964.302)	(19.425.267.261)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	13.567.167.639	43.593.472.550
Tài sản dài hạn khác	260		7.379.271.184	11.023.963.665
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	7.379.271.184	10.998.963.665
Tài sản dài hạn khác	268		-	25.000.000
TỔNG TÀI SẢN	270		2.622.227.845.000	2.993.236.881.204

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.375.615.534.526	2.480.766.007.986
Nợ ngắn hạn	310		469.086.350.550	525.755.813.834
Vay và nợ ngắn hạn	311	11	301.603.358.000	262.300.982.144
Phải trả người bán	312		86.195.054.870	219.334.417.436
Người mua trả tiền trước	313		20.000.000	10.471.090
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	590.198.019	111.378.271
Phải trả người lao động	315		1.049.829.089	472.488.681
Chi phí phải trả	316	13	70.345.375.090	27.108.977.599
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	9.280.814.190	16.404.677.321
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.721.292	12.421.292
Nợ dài hạn	330		1.906.529.183.976	1.955.010.194.152
Phải trả dài hạn khác	333	15	34.291.184.703	19.021.643.242
Vay và nợ dài hạn	334	16	1.819.241.092.960	1.871.504.148.800
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	17	-	4.213.700.721
Doanh thu chưa thực hiện	338	18	52.996.906.313	60.270.701.389
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		86.008.546.651	219.785.674.045
Vốn chủ sở hữu	410	19	86.008.546.651	219.785.674.045
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		365.050.000.000	365.050.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		11.500.000.000	11.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		756.930.096	756.930.096
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.583.806.000	1.583.806.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		163.000.000	163.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(293.045.189.445)	(159.268.062.051)
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		160.603.763.823	292.685.199.173
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.622.227.845.000	2.993.236.881.204

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
Ngoại tệ các loại	5.013.716,94	13.199.358,91



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Anh
Người lập biểu

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	208.617.969.943	173.845.305.302
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		208.617.969.943	173.845.305.302
Giá vốn hàng bán	11	21	247.875.646.935	233.864.713.376
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(39.257.676.992)	(60.019.408.074)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	8.030.824.086	12.307.534.998
Chi phí tài chính	22	23	159.368.038.775	146.643.806.043
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>128.870.191.761</i>	<i>120.125.628.431</i>
Chi phí bán hàng	24		2.102.106.164	1.276.791.531
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		78.222.936.423	81.729.346.485
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(270.919.934.268)	(277.361.817.135)
Thu nhập khác	31	24	4.341.792.954	34.073.671.333
Chi phí khác	32	25	2.345.447.098	95.936.223
Lợi nhuận khác	40		1.996.345.856	33.977.735.110
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(268.923.588.412)	(243.384.082.025)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	(3.708.056.635)	(2.526.328.154)
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(265.215.531.777)	(240.857.753.871)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(132.081.435.350)	(119.383.260.436)
Lỗ thuộc về Công ty mẹ	62		(133.134.096.427)	(121.474.493.435)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(3.647)	(3.328)



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		(268.923.588.412)	(243.384.082.025)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		132.654.125.252	124.812.707.558
Các khoản dự phòng	3		-	-
Lãi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		29.367.005.976	24.693.089.182
(Lãi) hoạt động đầu tư	5		(1.416.761.904)	(2.975.434.861)
Chi phí lãi vay	6		128.870.191.761	120.125.628.431
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		20.550.972.673	23.271.908.285
Giảm các khoản phải thu	9		46.344.863.481	22.518.884.047
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10		30.625.827	(874.280.618)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11		(35.890.346.450)	1.229.776.389
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12		6.989.390.663	(15.556.826.247)
Tiền lãi vay đã trả	13		(58.472.375.727)	(111.557.699.668)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(791.476.097)	(1.730.911.804)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(48.063.080)	923.749.414
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		193.436.345	(11.640.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.092.972.365)	(81.787.040.202)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(131.023.239.705)	(281.670.305.165)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		1.416.761.904	2.975.434.861
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(129.606.477.801)	(278.694.870.304)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		52.442.000.000	428.809.336.453
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(95.018.370.400)	(95.433.181.309)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40		(42.576.370.400)	333.376.155.144
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(193.275.820.566)	(27.105.755.362)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	316.669.095.022	340.965.521.608
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.269.796.048	2.809.328.776
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	124.663.070.504	316.669.095.022



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Anh
Người lập biểu

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 5700688013 do Sở kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02/11/2007. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất thay đổi lần thứ 3 ngày 20 tháng 12 năm 2013.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 03 ngày 20/12/2013, Vốn điều lệ của Công ty là: 405.000.000.000 VNĐ (Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng) được chia thành 40.500.000 cổ phần với mệnh giá trên 1 cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là vận tải hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

1.3 CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT

Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân

Là Công ty TNHH có 2 thành viên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 221.022.000.116 chứng nhận lần đầu ngày 03/06/2008 và thay đổi lần gần nhất ngày 07 tháng 02 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp.

- Địa chỉ: Số 01, đường Cái Lân, Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%, góp vốn bằng quyền sử dụng đất và bằng tiền.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2014 là kinh doanh, khai thác cảng, dịch vụ kho bãi và logistic.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân. Các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư giữa Công ty và Công ty con được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được trình bày theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền; Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	11
Máy móc thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty là: phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất.

Chi phí để có được quyền sử dụng đất gồm: Chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí san nền và chi phí quyền sử dụng đất.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm
Phần mềm kế toán	02 - 03
Quyền sử dụng đất	49,5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của công ty liên doanh, liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại công ty liên doanh, liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Công ty tại các công ty này đều không được ghi nhận.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc. Khi có bằng chứng về giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, Công ty vẫn phản ánh giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác theo giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 02 năm.

3.11 GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.12 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Doanh thu cho thuê máy được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê, thời gian cho thuê thực tế, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Cổ tức, lợi nhuận được chia ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.13 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư số 179/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2013 ("Thông tư 179") qui định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo quy định tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ không được sử dụng để chia lợi nhuận cho cổ đông.

3.14 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 22% (năm 2013 là 25%) tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Cái Lân, Bãi Cháy, TP Hạ Long, Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.16 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh, Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được trình bày tại Thuyết minh số 31.1.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	406.466.367	944.961.996
Tiền gửi ngân hàng	23.201.994.700	252.412.701.116
Các khoản tương đương tiền (*)	101.054.609.437	63.311.431.910
	124.663.070.504	316.669.095.022

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.309.386.146	3.866.937.633
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	473.074.340
	4.309.386.146	4.340.011.973

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	499.928.884	620.251.865
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	23.300.000
	499.928.884	643.551.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2014	1.193.973.663.654	1.221.181.018.988	82.589.972.324	36.653.594.980	2.534.398.249.946
Mua trong kỳ	-	134.863.636	1.136.363.636	186.159.509	1.457.386.781
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	1.049.732.210	-	29.987.393.340	31.037.125.550
Giảm khác (*)	(941.833.241)	(6.373.200.000)	-	-	(7.315.033.241)
31/12/2014	<u>1.193.031.830.413</u>	<u>1.215.992.414.834</u>	<u>83.726.335.960</u>	<u>66.827.147.829</u>	<u>2.559.577.729.036</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2014	(51.747.549.113)	(90.449.386.868)	(15.145.733.650)	(5.719.911.537)	(163.062.581.168)
Khấu hao trong kỳ	(42.171.898.457)	(66.845.367.596)	(9.704.426.329)	(7.498.735.829)	(126.220.428.211)
Giảm khác (*)	15.922.844	476.824.985	-	-	492.747.829
31/12/2014	<u>(93.903.524.726)</u>	<u>(156.817.929.479)</u>	<u>(24.850.159.979)</u>	<u>(13.218.647.366)</u>	<u>(288.790.261.550)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2014	<u>1.142.226.114.541</u>	<u>1.130.731.632.120</u>	<u>67.444.238.674</u>	<u>30.933.683.443</u>	<u>2.371.335.668.778</u>
31/12/2014	<u>1.099.128.305.687</u>	<u>1.059.174.485.355</u>	<u>58.876.175.981</u>	<u>53.608.500.463</u>	<u>2.270.787.467.486</u>

(*) Theo Biên bản họp về quyết toán giá trị hợp đồng giữa Công ty con và Công ty TNHH Shanghai Zhenhua Heavy Industries ("ZMPC") (nhà cung cấp cầu) ngày 11 tháng 02 năm 2014, giá trị của các cầu đã được chấp nhận giảm với số tiền là 200.000 đô la Mỹ (tương đương với 4.249.200.000 đồng). Trong năm, Công ty đã điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản của các cầu nêu trên và chi phí khấu hao tương ứng. Bên cạnh đó, trong năm, các cáp của cầu số 12 và 19 bị thiệt hại do cháy và theo đó nguyên giá tài sản với số tiền là 2.124.000.000 đồng được ghi giảm.

(**) Số liệu đầu kỳ của nhóm tài sản Máy móc thiết bị và Thiết bị dụng cụ quản lý đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu báo cáo sau kiểm toán của Công ty con.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 212.276.000 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐHH đã dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay là: 2.259.852.686.355 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Cái Lân, Bãi Cháy, TP Hạ Long, Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2014	179.623.389.808	9.440.772.166	189.064.161.974
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	9.138.749.140	9.138.749.140
31/12/2014	<u>179.623.389.808</u>	<u>18.579.521.306</u>	<u>198.202.911.114</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2014	(14.993.646.941)	(4.431.620.320)	(19.425.267.261)
- Khấu hao trong kỳ	(3.664.886.225)	(2.768.810.816)	(6.433.697.041)
31/12/2014	<u>(18.658.533.166)</u>	<u>(7.200.431.136)</u>	<u>(25.858.964.302)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2014	<u>164.629.742.867</u>	<u>5.009.151.846</u>	<u>169.638.894.713</u>
31/12/2014	<u>160.964.856.642</u>	<u>11.379.090.170</u>	<u>172.343.946.812</u>

- Nguyên giá TSCĐVH cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 71.580.000 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng cầm cố, thế chấp khoản vay là: 140.866.730.822 đồng.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	13.567.167.639	43.593.472.550
Máy móc thiết bị	13.567.167.639	34.964.403.547
Phần mềm khai thác cảng	-	8.629.069.003
	<u>13.567.167.639</u>	<u>43.593.472.550</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.253.210.226	7.095.593.512
Chi phí đào tạo	765.863.018	1.949.041.886
Chi phí tư vấn	2.006.497.938	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	353.700.002	1.954.328.267
	<u>7.379.271.184</u>	<u>10.998.963.665</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Cái Lân, Bãi Cháy, TP Hạ Long, Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	42.740.000.000	92.164.241.344
- Công ty SSA Holdings International VietNam Inc (1)	42.740.000.000	92.164.241.344
Nợ dài hạn đến hạn trả (2)	258.863.358.000	170.136.740.800
- Công ty Tài chính Quốc tế IFC	99.370.500.000	65.310.800.000
- Công ty Khuyến khích và Tham gia hợp tác kinh tế (Propaco)	38.466.000.000	25.281.600.000
- Công ty Tài chính Phát triển Hà Lan (FMO)	51.288.000.000	33.708.800.000
- Quỹ hợp danh ICF Debt Pool LLP (ICFDP)	69.738.858.000	45.835.540.800
	301.603.358.000	262.300.982.144

(1) Khoản vay kỳ hạn 1 năm với lãi suất 10,22% theo Hợp đồng vay chủ đầu tư ngày 02 tháng 07 năm 2014, theo yêu cầu và quyết định của Công ty SSA Holdings International Vietnam Inc. và không cần sự chấp nhận trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân, khoản vay hoặc một phần của khoản vay có thể được chuyển đổi thành vốn cổ phần của Công ty con nếu đáp ứng đủ các điều kiện pháp lý.

(2) Chi tiết được trình bày tại thuyết minh số 16.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	590.198.019	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	86.135.071
Thuế nhà thầu	-	25.243.200
	590.198.019	111.378.271

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí xây dựng trích trước	-	1.090.909.091
Trích trước tiền lương trả người nước ngoài	1.178.600.054	4.446.554.402
Trích trước thù lao Hội đồng thành viên	-	309.600.445
Trích trước lương tháng 13 và thưởng trong năm	2.002.653.298	4.665.527.677
Trích trước chi phí tư vấn	520.000.000	329.400.000
Trích trước lãi vay và phí cam kết (*)	64.691.571.628	11.521.624.287
Trích trước chi phí tiền điện	518.569.150	3.632.666.405
Các khoản trích trước khác	1.433.980.960	1.112.695.292
	70.345.375.090	27.108.977.599

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

(*) Lãi vay trích trước bao gồm khoản lãi vay với số tiền là 56.470.572.420 đồng (tương đương với 2.657.939 đô la Mỹ) đã đến hạn trả vào ngày 15 tháng 12 năm 2014. Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty con chưa thực hiện thanh toán khoản lãi vay đã đến hạn này.

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	76.198.071	44.115.472
Công ty SSA Holdings International Vietnam Inc.	8.345.694.057	14.866.082.429
Các khoản phải trả, phải nộp khác	858.922.062	1.494.479.420
<i>Cổ tức phải trả cổ đông</i>	<i>144.410.000</i>	<i>151.710.000</i>
<i>Đang phí thu qua lương</i>	<i>7.643.040</i>	-
<i>Phải trả dịch vụ làm đại lý cho tàu</i>	-	<i>219.569.918</i>
<i>Khoản phải trả phải nộp khác</i>	<i>706.869.022</i>	<i>1.123.199.502</i>
	9.280.814.190	16.404.677.321

15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế nhà đất phải trả (*)	18.593.386.582	19.021.643.242
Lãi vay phải trả Công ty SSA Holdings International Vietnam Inc.	15.697.798.121	-
	34.291.184.703	19.021.643.242

(*) Thuế cho diện tích đất 2,3 ha, thuê trong thời hạn 49,5 năm từ năm 2008.

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	1.819.241.092.960	1.871.504.148.800
- Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) (1)	662.470.000.000	718.418.800.000
- Công ty Khuyến khích và Tham gia hợp tác kinh tế (Propaco) (2)	256.440.000.000	278.097.600.000
- Công ty Tài chính Phát triển Hà Lan (FMO) (3)	341.920.000.000	370.796.800.000
- Quỹ hợp danh IFC Debt Pool LLP (IFC DP) (4)	464.925.720.000	504.190.948.800
- Công ty SSA Holdings International Vietnam Inc. (SSA) (5)	93.485.372.960	-
	1.819.241.092.960	1.871.504.148.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)**

- (1) Vay bằng nguyên tệ, trị giá 34.100.000 USD, lãi suất được tính bằng lãi suất LIBOR 6 tháng cộng lãi biên (4,15%/năm hoặc 3,3%/năm); hình thức đảm bảo là tất cả tài sản hữu hình và vô hình của Công ty, và quyền sở hữu của Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân và SSA Holdings International Vietnam Inc, trong Công ty;
- (2) Vay bằng nguyên tệ, trị giá: 13.070.587,2 USD, lãi suất được tính bằng lãi suất LIBOR 6 tháng cộng lãi biên (4,15%/năm hoặc 3,3%/năm) cộng chi phí tài trợ; hình thức đảm bảo là tất cả tài sản hữu hình và vô hình của Công ty, và quyền sở hữu của Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân và SSA Holdings International Vietnam Inc, trong Công ty;
- (3) Vay bằng nguyên tệ, trị giá: 17.427.449,6 USD, lãi suất được tính bằng lãi biên (4,15%/năm hoặc 3,3%/năm) cộng lãi suất cố định cơ bản và cộng chi phí tài trợ vượt trội; hình thức đảm bảo là tất cả tài sản hữu hình và vô hình của Công ty, và quyền sở hữu của Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân và SSA Holdings International Vietnam Inc, trong Công ty;
- (4) Vay bằng nguyên tệ, trị giá: 23.931.600 USD, lãi suất cơ bản cố định (2,6%/năm) cộng lãi biên ((4,15%/năm hoặc 3,3%/năm); hình thức đảm bảo là tất cả tài sản hữu hình và vô hình của Công ty, và quyền sở hữu của Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân và SSA Holdings International Vietnam Inc, trong Công ty;
- (5) Khoản vay vốn từ cổ đông SSA theo Hợp đồng vay ngày 31 tháng 05 năm 2013, thời điểm giải ngân ngày 12/06/2013, thời hạn vay từ 31/05/2013 đến ngày 15/06/2022; lãi suất vay 10,22%. Vay không có tài sản đảm bảo.

17. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	4.213.700.721	6.740.028.875
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	3.708.056.635	2.526.328.154
Hoàn nhập do thay đổi chính sách thuế năm	505.644.086	
	-	4.213.700.721

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chênh lệch đánh giá vốn góp vào CICT	36.084.911.531	36.916.041.931
Lãi chênh lệch tỷ giá giai đoạn trước hoạt động	16.911.994.782	23.354.659.458
	52.996.906.313	60.270.701.389

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN
Số 1, Cái Lân, Bãi Cháy, TP Hạ Long, Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu <u>VND</u>	Vốn khác của chủ sở hữu <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng Cộng <u>VND</u>
01/01/2013	365.050.000.000	11.500.000.000	756.930.096	1.583.806.000	341.000.000	(37.793.568.616)	341.438.167.480
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(121.474.493.435)	(121.474.493.435)
- Giảm khác	-	-	-	-	(178.000.000)	-	(178.000.000)
31/12/2013	365.050.000.000	11.500.000.000	756.930.096	1.583.806.000	163.000.000	(159.268.062.051)	219.785.674.045
01/01/2014	365.050.000.000	11.500.000.000	756.930.096	1.583.806.000	163.000.000	(159.268.062.051)	219.785.674.045
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(133.134.096.427)	(133.134.096.427)
- Tăng khác (*)	-	-	-	-	-	505.644.086	505.644.086
- Giảm khác (**)	-	-	-	-	-	(1.148.675.053)	(1.148.675.053)
31/12/2014	365.050.000.000	11.500.000.000	756.930.096	1.583.806.000	163.000.000	(293.045.189.445)	86.008.546.651

(*) Tăng lợi nhuận do điều chỉnh lại thuế suất thuế TNDN.

(**) Giảm do hạch toán thuế truy thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	206.550.000.000	206.550.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	53.000.000.000	53.000.000.000
Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội	18.000.000.000	18.000.000.000
Các cổ đông khác	87.500.000.000	87.500.000.000
	365.050.000.000	365.050.000.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA LỢI NHUẬN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	365.050.000.000	365.050.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	365.050.000.000	365.050.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2014	01/01/2014
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.500.000	40.500.000
Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.505.000	36.505.000
+ Cổ phiếu phổ thông	36.505.000	36.505.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.505.000	36.505.000
+ Cổ phiếu phổ thông	36.505.000	36.505.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19.5 CÁC QUỸ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	756.930.096	756.930.096
Quỹ dự phòng tài chính	1.583.806.000	1.583.806.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	163.000.000	163.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa	19.744.037.298	21.813.764.435
Doanh thu cung cấp dịch vụ	188.873.932.645	152.031.540.867
	208.617.969.943	173.845.305.302

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán hàng hóa	19.491.035.729	21.612.231.812
Giá vốn cung cấp dịch vụ	228.384.611.206	212.252.481.564
	247.875.646.935	233.864.713.376

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi	1.416.761.904	2.975.434.861
Lãi bán ngoại tệ	25.223.000	44.366.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.582.256.056	9.285.737.713
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.583.126	1.996.424
	8.030.824.086	12.307.534.998

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	128.870.191.761	120.125.628.431
Lỗ bán ngoại tệ	800.000	930.655
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.123.457.912	6.932.339
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.373.589.102	25.256.149.416
Chi phí tài chính khác	-	1.254.165.202
	159.368.038.775	146.643.806.043

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thanh lý Tài sản	29.199.997	13.000.007
Phạt vi phạm hợp đồng	1.394.910.000	32.857.538.427
Đánh giá lại tài sản góp vốn liên doanh	831.130.400	831.130.400
Giá trị bồi thường từ Công ty bảo hiểm	1.631.200.000	-
Thu nhập khác	455.352.557	372.002.499
	4.341.792.954	34.073.671.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá trị phần cấp cứu bị thiệt hại do cháy, ghi giảm giá trị tài sản	2.124.000.000	-
Phạt vi phạm hợp đồng	155.229.862	-
Chi phí khác	66.217.236	95.936.223
	2.345.447.098	95.936.223

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(265.215.531.777)	(243.384.082.025)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	329.134.722	179.909.387
- Lãi vay (do không góp đủ vốn điều lệ theo đăng ký)	15.134.722	7.909.387
- Thù lao hội đồng quản trị	292.000.000	142.000.000
- Các khoản chi ủng hộ trong năm	22.000.000	30.000.000
- Các khoản chi phí không hợp lệ	1.578.663.020	3.778.701.188
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	2.807.332.352	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận tính thuế TNDN	47.281.814.503	1.010.731.440
- Thu nhập từ chênh lệch góp vốn	-	10.105.312.614
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(1.281.535.090)	(2.809.328.776)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	-	(375.369.218)
- Chi phí khấu hao TSCĐ	(3.954.147.055)	(5.909.883.180)
- Chênh lệch tạm thời do ghi nhận toàn bộ thu nhập đánh giá lại tài sản góp vốn	52.939.714.418	-
- Chênh lệch do tính dự phòng giữa số của thuế và theo TT89	(422.217.770)	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(217.604.582.552)	(228.129.518.009)
Chuyển lỗ các năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế	(217.604.582.552)	(228.129.518.009)
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân

Công ty đang thực hiện ghi nhận vào thu nhập khác “Chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn liên doanh” trên sổ kế toán trong thời gian 50 năm (từ tháng 05/2008 đến tháng 05/2058), do đó phát sinh chênh lệch tạm thời giữa thu nhập tính thuế theo thuế và thu nhập ghi nhận trên sổ kế toán.

Tại ngày 31/12/2013, chênh lệch tạm thời chịu thuế của Công ty số tiền: 16.854.802.887 đồng. Theo khoản 14 Điều 07 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tính một lần vào thu nhập khác, do đó tại ngày 31/12/2014 Công ty đang có chênh lệch tạm thời được khấu trừ số tiền: 36.084.911.531 đồng. Ngoài ra, trong năm 2014 Công ty cũng phát sinh chênh lệch tạm thời được khấu trừ từ các giao dịch:

Diễn giải	Chênh lệch tạm thời được khấu trừ chưa sử dụng
Ghi nhận chênh lệch đánh giá lại quyền sử dụng đất khi góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH Công-ten-nơ quốc tế Cái Lân	36.084.911.531
Chênh lệch Chi phí lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khoản đầu tư vào công ty con (xác định theo Thông tư 89/2013/TT-BTC và xác định theo cách tính thuế	52.252.287.092
Lỗ tính thuế phát sinh năm 2013 được chuyển cho các năm sau	119.761.580.494
Lỗ tính thuế phát sinh năm 2014 được chuyển cho các năm sau	81.519.575.270
Tổng Cộng	289.618.354.387

Tại ngày 31/12/2014, Công ty đã hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả, tuy nhiên Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng phần chênh lệch tạm thời được khấu trừ do Công ty đánh giá không chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 17 – “Thuế thu nhập doanh nghiệp”, để có thể sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân

Tại ngày 31/12/2014, Công ty con có khoản Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:

Diễn giải	Chênh lệch tạm thời được khấu trừ chưa sử dụng
Lỗ phát sinh trước hoạt động sản xuất kinh doanh được vốn hóa vào giá trị tài sản	87.474.927.932
Lỗ tính thuế phát sinh năm 2012 được chuyển đến năm 2017	11.329.639.390
Lỗ tính thuế phát sinh năm 2013 được chuyển đến năm 2018	248.953.190.574
Lỗ tính thuế phát sinh năm 2014 được chuyển đến năm 2014	270.397.053.341
Tổng Cộng	618.154.811.237

Tại ngày 31/12/2014, Công ty con không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng do Công ty đánh giá không chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

28.1 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH

	Năm 2014 CP	Năm 2013 CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	36.505.000	36.505.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	36.505.000	36.505.000

28.2 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014	Năm 2013
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(133.134.096.427)	(121.474.493.435)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	36.505.000	36.505.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(3.647)	(3.328)

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.650.513.144	31.203.733.419
Chi phí nhân công	59.009.960.717	69.139.085.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	132.162.770.393	124.812.707.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.050.681.049	89.503.048.698
Chi phí khác bằng tiền	2.326.764.219	2.212.276.195
	328.200.689.522	316.870.851.392

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, tiền và tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày như tại Thuyết minh số 3.15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị còn lại	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.663.070.504	316.669.095.022
Các khoản phải thu ngắn hạn	24.068.301.995	22.120.770.667
	148.731.372.499	338.789.865.689
Công nợ tài chính		
Vay và nợ	2.120.844.450.960	2.133.805.130.944
Phải trả người bán	86.195.054.870	219.334.417.436
Chi phí phải trả	70.345.375.090	27.108.977.599
Phải trả dài hạn khác	34.291.184.703	19.021.643.242
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	9.204.616.119	16.360.561.849
	2.320.880.681.742	2.415.630.731.070
	(2.172.149.309.243)	(2.076.840.865.381)

Trạng thái ròng

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường đến các công cụ tài chính của Công ty là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam, các khoản phải thu của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là số dư với các bên liên quan, giá trị rủi ro tối đa là giá trị trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản tiền gốc và tiền lãi, nếu có. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2014			
Vay và nợ	301.603.358.000	1.819.241.092.960	2.120.844.450.960
Phải trả người bán	86.195.054.870	-	86.195.054.870
Chi phí phải trả	70.345.375.090	-	70.345.375.090
Phải trả dài hạn khác	-	34.291.184.703	34.291.184.703
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	9.204.616.119	-	9.204.616.119
	<u>467.348.404.079</u>	<u>1.853.532.277.663</u>	<u>2.320.880.681.742</u>
01/01/2014			
Vay và nợ	262.300.982.144	1.871.504.148.800	2.133.805.130.944
Phải trả người bán	219.334.417.436	-	219.334.417.436
Chi phí phải trả	27.108.977.599	-	27.108.977.599
Phải trả dài hạn khác	-	19.021.643.242	19.021.643.242
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16.360.561.849	-	16.360.561.849
	<u>787.405.921.172</u>	<u>3.762.029.940.842</u>	<u>4.549.435.862.014</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.663.070.504	-	124.663.070.504
Các khoản phải thu ngắn hạn	24.068.301.995	-	24.068.301.995
	148.731.372.499	-	148.731.372.499
01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	316.669.095.022	-	316.669.095.022
Các khoản phải thu ngắn hạn	22.120.770.667	-	22.120.770.667
	338.789.865.689	-	338.789.865.689

31. THÔNG TIN KHÁC**31.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Giao dịch với bên liên quan**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu với các bên liên quan	13.969.875.216	9.280.823.572
- Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	13.969.875.216	9.280.823.572
Mua hàng từ các bên liên quan	14.746.197.979	-
- Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	14.746.197.979	-

Số dư với bên liên quan

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản phải trả	5.806.395.399	2.393.801.831
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	416.117.896	916.117.896
Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	5.390.277.503	1.477.683.935
Các khoản phải trả khác	-	15.869.138
Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	-	15.869.138

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Cái Lân, Bãi Cháy, TP Hạ Long, Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**31.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	694.467.637	640.000.000
- Lương và phụ cấp	694.467.637	640.000.000

31.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập Báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

31.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán.



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Anh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Phụ lục số 01: Bảng tổng hợp Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chi tiêu	Mã số	Số dư đầu kỳ	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Dư cuối kỳ
1	Thuế GTGT phải nộp	10	-	1.273.694.318	727.196.997	546.497.321
	- Thuế GTGT hàng nội địa	11		1.233.992.395	687.495.074	546.497.321
	- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	39.701.923	39.701.923	-
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	20	-	-	-	-
3	Thuế xuất nhập khẩu	30	-	18.254.563	18.254.563	-
	- Thuế xuất khẩu (33331)	31	-	-	-	-
	- Thuế nhập khẩu (33332)	32	-	18.254.563	18.254.563	-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	40	(88.196.295)	879.672.392	791.476.097	-
5	Thuế thu nhập cá nhân	50	51.117.885	1.229.536.968	1.241.649.880	39.004.973
6	Thuế tài nguyên	60	-	-	-	-
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	70		110.499.523	110.499.523	-
8	Các loại thuế khác	80	25.243.200	3.062.431.205	3.087.674.405	-
	- Thuế môn bài	81	-	6.000.000	6.000.000	-
	- Thuế nhà thầu	82	25.243.200	2.802.468.445	2.827.711.645	-
	- Thuế khác	83	-	253.962.760	253.962.760	-
9	Phí, lệ phí và các loại khác	90	-	80.000	80.000	-
	Tổng Cộng		(11.835.210)	6.574.168.969	5.976.831.465	585.502.294
	Note: Số thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ trước đã được hoàn: 12.947.160.254 VND					